

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG III NĂM 1996

Ở Bắc Bộ và hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An thời tiết đã chuyển mưa vừa, mưa to nhiều nơi; có nơi mưa rất to vào những ngày cuối tháng nên tình hình hạn hán kéo dài từ đầu năm đã kết thúc. Một số nơi thuộc Bắc Bộ có lượng mưa ngày trong tháng đạt giá trị kỷ lục; chẳng hạn, tại Hà Nội : 65mm/ngày 28, tại Cao Bằng : 120mm/ngày 27, đạt giá trị kỷ lục theo chuỗi số liệu có được trên 100 năm. Do mưa to, trên sông Hồng tại Hà Nội đã xuất hiện đợt lũ cao nhất trong tháng III kể từ năm 1902 đến nay.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh

Có 3 đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào các ngày 10, 18 và 27. Đợt không khí lạnh ngày 10 có cường độ mạnh hơn cả, nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 9 đến 12°C. Gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3-cấp 4, ngoài khơi cấp 6-cấp 7. Trời rét.

b) Nắng nóng

Một số nơi thuộc Bắc Bộ, Nam Bộ và Bắc Trung Bộ đã có một số ngày nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất đạt tới 37-39,5°C.

c) Tố lốc và mưa đá

Một số nơi thuộc các tỉnh Thanh Hóa, Quảng Trị và Yên Bái đã có tố, lốc kèm theo mưa đá gây một số thiệt hại về người, tài sản và mùa màng.

2. Tình hình nhiệt độ

Phía Tây Bắc Bộ có nền nhiệt độ cao hơn TBNN (trung bình nhiều năm); còn các nơi khác xấp xỉ TBNN.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Bắc Hà (Lào Cai) : 4,3°C xảy ra ngày 2.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Hồi Xuân (Thanh Hóa) : 39,5°C xảy ra ngày 16.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và từ Thanh Hóa đến Quảng Bình có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn TBNN.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Thái Nguyên (Bắc Thái) : 240mm.

Nơi có lượng mưa ngày lớn nhất là Cao Bằng, Ngân Sơn: 120mm/ngày 27.

Nhiều nơi thuộc Nam Bộ và một vài nơi thuộc Tây Nguyên, Nam Trung Bộ cả tháng không mưa.

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có số giờ nắng cao hơn TBNN.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Việt Trì (Vĩnh Phú) : 54 giờ.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Bạc Liêu (Minh Hải) : 315 giờ.

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

- Ở các tỉnh Miền Bắc: sau những đợt rét đậm, rét hại kéo dài xảy ra trong tháng I và II, thời tiết đã ấm lên thuận lợi cho sự hồi phục những trà lúa mới cấy và gieo mạ bổ sung, nhưng tình hình hạn từ đầu mùa đông xuân đã gây không ít khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. Sau những đợt mưa đông từ ngày 25 đến cuối tháng, tình hình hạn đã kết thúc. Nếu như thời tiết tháng IV-1996 có xu thế ấm lên, có nắng và mưa không quá lớn thì thời tiết rất thuận lợi đối với nông nghiệp.

- Ở các tỉnh Miền Nam: thời tiết ít mưa, nhiều nắng thuận lợi cho việc thu hoạch lúa đông xuân.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Trên hệ thống sông Hồng, những ngày đầu và giữa tháng mực nước các sông xuống mức thấp, những ngày cuối tháng trên các sông có đợt lũ, mực nước đỉnh lũ tại Hà Nội là 5,93m, là đợt lũ cao nhất trong tháng III kể từ năm 1902 đến nay.

- Trên sông Thao tại trạm thủy văn Yên Bái, mực nước cao nhất : 28,50m (7h ngày 29); mực nước thấp nhất : 25,24m (7h ngày 21).

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất : 20,13m (7h ngày 28); mực nước thấp nhất : 15,61m (7h ngày 21).

- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình, mực nước hồ ngày đầu tháng : 111,73m (7h ngày 1); ngày cuối tháng : 107,04m (7h ngày 31). Lưu lượng đến hồ lớn nhất: $1200\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 26), lưu lượng nhỏ nhất : $350\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 24), lưu lượng trung bình : $509\text{m}^3/\text{s}$, lớn hơn TBNN 22%.

Tại trạm thủy văn Bến Ngoc, lưu lượng xả lớn nhất: $911\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 29), lưu lượng xả nhỏ nhất : $429\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 3).

- Trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội, mực nước cao nhất : 5,93m (ngày 30), mực nước thấp nhất : 2,60m (7h ngày 2), mực nước trung bình : 3,02m, cao hơn mức TBNN : 35cm.

- Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại, mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều; mực nước đỉnh triều cao nhất : 2,73m (7h ngày 30), mực nước chân triều thấp nhất : 0,16m (14h ngày 10).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức thấp và bình thường, mực nước các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng của thủy triều.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu ít thay đổi và ở mức thấp. Mực nước sông Tiền tại trạm Tân Châu ngày đầu tháng : 0,94m (22h ngày 1), ngày cuối tháng : 0,91m (22h ngày 23), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước ngày đầu tháng: 0,93m (21h ngày 1), ngày cuối tháng : 0,90m (23h ngày 23).

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- *Vùng biển phía bắc* : Hướng gió chủ yếu là đông bắc và bắc. Ven bờ tốc gió trung bình 6-8m/s (cấp 4-cấp 5). Ngoài khơi gió mạnh nhất 19-21m/s (cấp 8 -cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 0,75m (cấp II-cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất 2,50-3,50m (cấp V-cấp VI).

- *Vùng biển phía nam* : Hướng gió chủ yếu là đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 6-9m/s (cấp 4-cấp 5). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 18-20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là bắc và đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,75-1,00m (cấp III). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 2,50-3,00m (cấp V).

2. Nhiệt độ nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 18-20°C, cao nhất 23-25°C, thấp nhất 14-16°C.

- *Vùng biển phía nam*: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 26-28°C, cao nhất 30-32°C, thấp nhất 23-25°C.

3. Độ mặn nước biển

- *Vùng biển phía bắc*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 29-31‰, cao nhất 32-34‰, thấp nhất 28-30‰.

- *Vùng biển phía nam*: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 31-32‰, cao nhất 33-34‰, thấp nhất 29-30‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV
và Trung tâm KTTV biển biên soạn

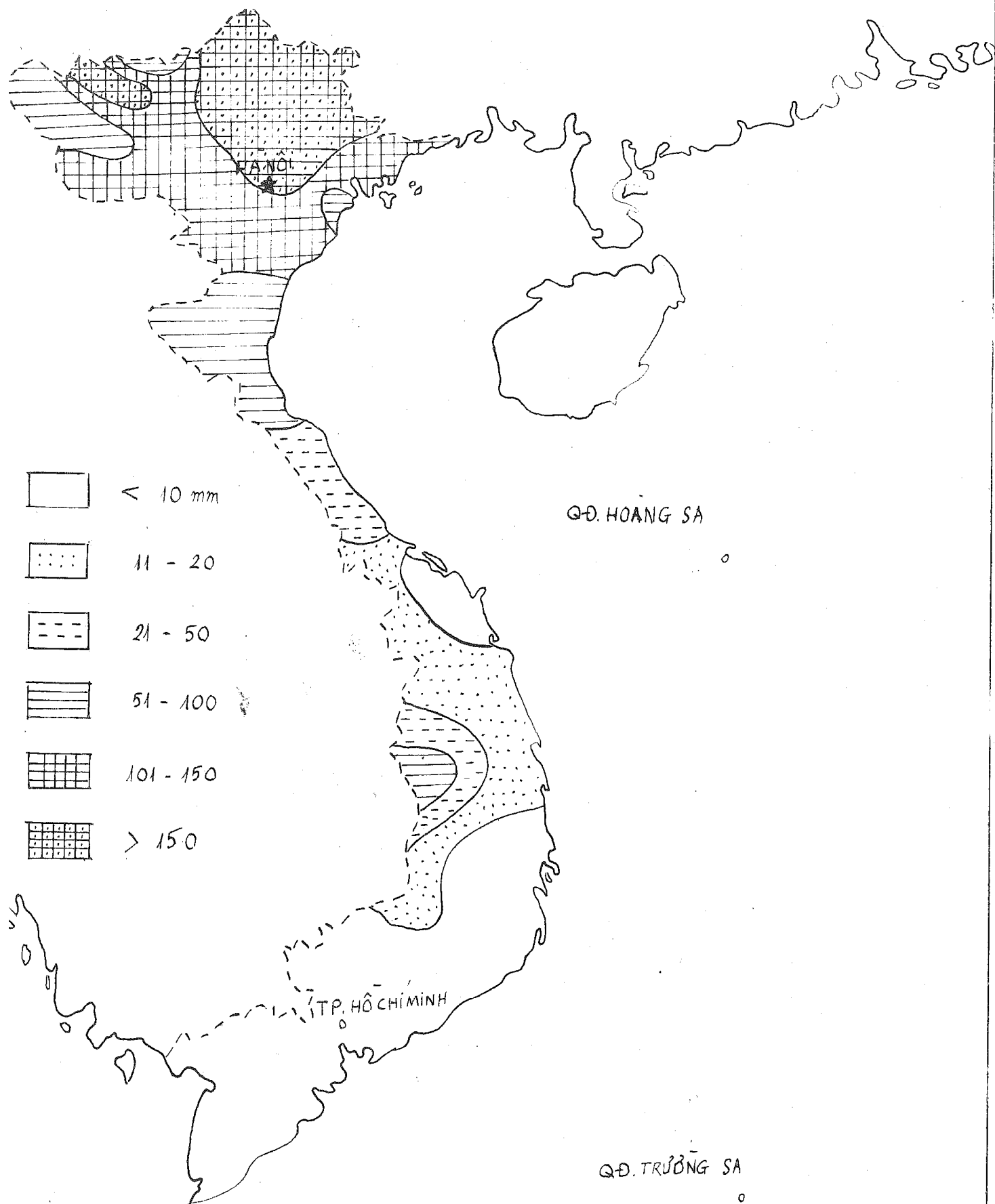
Đặc trưng một số yếu tố khí tượng

Số Thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ(°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	23,3	+1,5	32,4	39,0	22	17,5	13,2	3	63	28	20
2	Điện Biên	22,9	+2,2	31,8	34,8	20	17,2	13,2	3	81	23	3
3	Sơn La	21,9	+1,9	29,2	35,7	21	16,3	10,1	2	67	28	20
4	Sa Pa	14,9	+1,0	19,3	27,0	20	11,4	5,5	12	78	23	20
5	Lao Cai	21,1	+0,5	25,9	38,0	16	18,1	10,9	2	79	32	17
6	Yên Bái	19,8	+0,1	24,0	32,2	17	17,3	12,1	11	85	50	2
7	Hà Giang	20,3	0,0	25,2	34,6	17	17,2	9,4	2	82	46	17
8	Tuyên Quang	20,5	+0,6	24,7	36,0	17	17,7	12,6	11	82	41	4
9	Lạng Sơn	17,4	-0,8	22,9	35,2	17	13,9	8,2	2	81	30	17
10	Cao Bằng	18,7	-0,3	24,4	37,1	17	14,6	7,4	2	76	22	16
11	Thái Nguyên	19,7	-0,1	23,4	34,4	16	17,3	12,5	11	86	39	1
12	Bắc Giang	20,1	+0,2	23,5	32,6	16	17,4	12,2	11	86	46	1
13	Phú Thọ	20,0	+0,2	23,5	32,5	16	17,4	11,9	11	87	45	4
14	Hòa Bình	20,9	+0,2	23,9	38,5	16	18,1	12,7	2	84	30	18
2	Hà Nội (Láng)	20,1	-0,1	23,7	36,1	16	17,9	12,1	11	84	40	16
16	Tiên Yên	17,6	-1,3	22,0	29,2	16	15,1	10,2	5	89	47	2
17	Hòn Gai	18,9	-0,3	22,0	28,0	16	16,8	12,1	11	87	52	2
18	Phù Lỗ	19,2	+0,1	22,5	29,4	16	17,2	12,1	11	91	48	2
19	Thái Bình	19,1	-0,4	21,8	30,0	31	17,1	13,0	11	92	44	2
20	Nam Định	19,5	-0,3	23,3	33,7	17	17,5	12,0	12	90	46	2
21	Thanh Hóa	19,6	-0,2	22,9	33,1	16	17,6	13,6	11	91	50	17
22	Vinh	20,6	+0,3	24,9	38,1	17	18,2	13,5	3	90	34	16
23	Đồng Hới	22,3	+0,6	26,0	39,0	18	19,8	15,1	6	88	26	18
24	Huế	23,4	+0,3	29,0	36,7	17	19,8	15,3	4	88	48	16
25	Đà Nẵng	24,2	+0,1	29,1	34,7	17	21,5	15,3	5	86	59	5
26	Quảng Ngãi	24,7	+0,3	29,9	34,3	31	21,4	16,7	5	85	57	5
27	Quy Nhơn	26,0	+0,7	31,2	34,9	28	23,2	18,7	6	83	53	5
28	Plây Cù	22,5	-0,2	30,4	34,0	18	17,5	10,7	5	73	27	5
29	Buôn Ma Thuột	24,8	+0,1	33,1	36,1	17	19,9	15,0	4	70	33	23
30	Đà Lạt	17,6	-0,7	25,4	28,2	20	12,0	8,0	3	78	26	3
31	Nha Trang	25,4	-0,4	29,6	32,6	22	22,5	17,8	4	83	55	3
32	Phan Thiết	26,5	0,0	30,7	32,6	19	23,5	19,5	3	76	61	3
33	Vũng Tàu	26,7	-1,1	29,9	32,3	24	24,7	19,9	4	78	37	5
34	Tây Ninh	27,6	-0,6	34,7	37,0	27	22,8	18,2	4	69	35	4
35	T.P Hồ Chí Minh	28,2	+0,3	34,9	38,2	25	24,4	20,2	3	69	27	4
36	Tiền Giang	26,6	-1,0	31,9	34,6	17	23,3	19,0	3	80	40	31
37	Cần Thơ	27,8	+0,5	32,1	34,5	31	23,8	19,9	5	76	49	27
38	Sóc Trăng	27,0	-0,2	32,9	34,9	20	23,0	20,0	5	75	36	2
39	Rạch Giá	27,4	-0,8	32,3	35,7	23	23,7	20,6	3	77	35	21
40	Cà Mau	27,2	+0,4	32,8	34,8	17	23,7	20,3	4	76	45	27

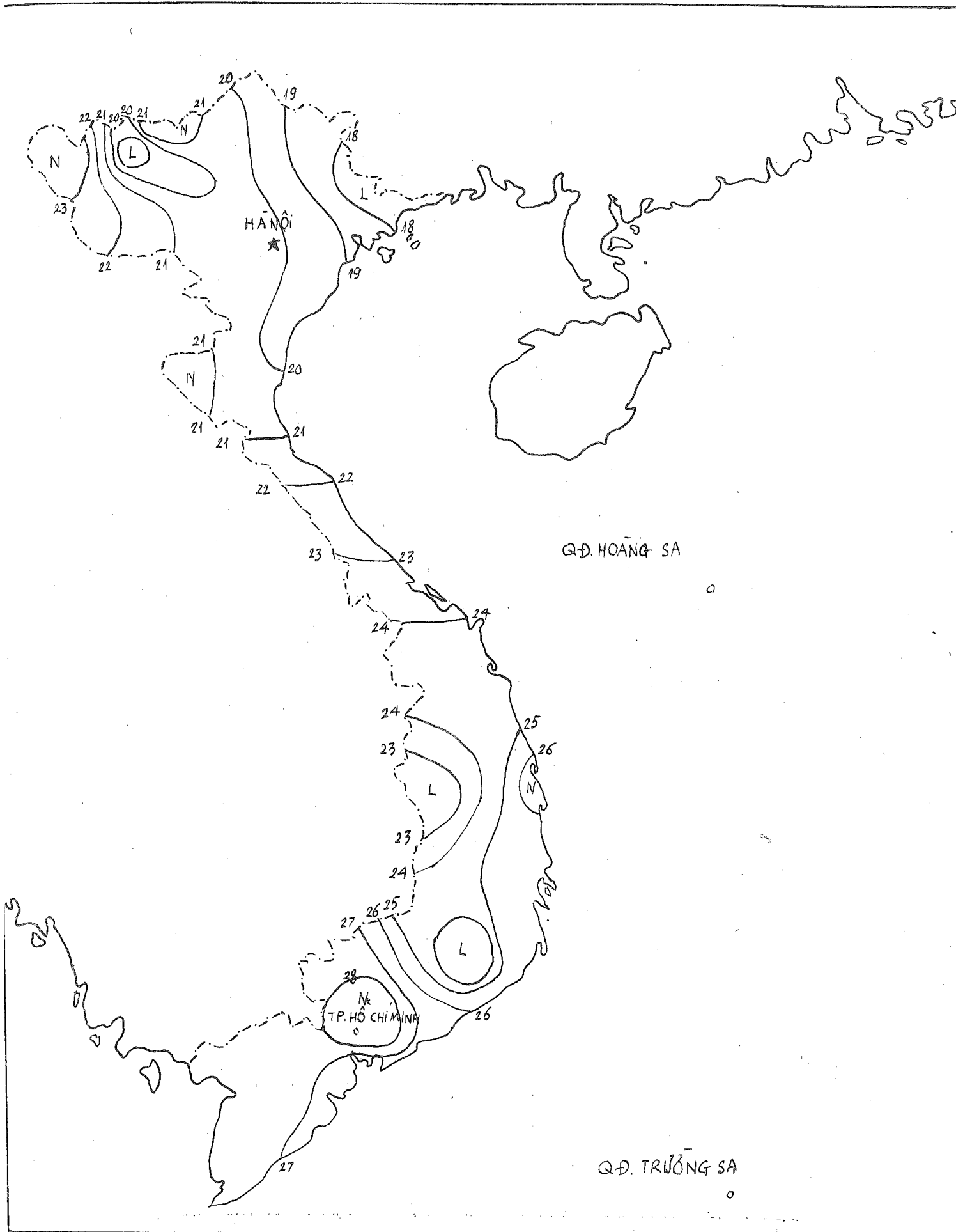
CHÚ THÍCH: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

của các trạm tháng III năm 1996

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số đợt mưa
Tổng số	Chạm sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chạm sai	Giờ tay khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhẹ	Mạnh			
98	+42	50	27	7	16	9	150	9	20	222	+39	8	7	6	0	1
117	+65	69	27	5	17	7	110	6	16	243	+44	0	0	5	0	2
100	+60	40	28	6	12	7	143	10	15	211	+41	3	0	5	0	3
206	+100	90	27	7	10	15	128	21	16	175	+19	0	0	6	9	4
90	+30	30	27	6	6	9	88	10	17	87	-18	2	1	3	0	5
144	+70	60	27	8	6	19	50	4	4	69	+24	0	0	3	18	6
199	+149	70	28	7	9	17	66	4	16	80	+6	0	0	5	1	7
152	+108	69	27	9	7	17	82	5	17	87	+32	1	0	3	11	8
188	+135	100	28	6	8	11	96	8	16	105	+44	1	0	2	2	8
216	+177	120	27	6	9	9	114	9	16	119	+40	3	1	4	0	10
240	+185	80	28	9	7	17	71	5	18	68	+20	0	0	4	9	11
169	+151	70	28	9	7	12	61	5	17	66	+16	0	0	4	12	12
126	+76	50	27	8	6	15	62	4	3	64	+14	0	0	2	0	13
104	+77	49	28	7	9	14	56	6	17	75	00	0	2	4	0	14
155	+111	65	28	7	8	15	48	4	17	62	+16	1	0	5	3	15
109	+57	35	28	10	8	15	45	3	5	94	x	0	0	4	0	16
115	+72	50	28	6	8	14	37	2	3	85	+39	0	0	3	13	17
90	+42	30	26	11	7	18	32	4	3	90	+50	0	0	4	0	18
59	+13	20	26	7	7	16	39	4	17	86	+45	0	0	3	0	19
122	+71	50	28	11	7	17	41	5	17	70	+26	0	0	2	17	20
91	+50	60	28	8	7	17	38	5	17	89	+35	0	0	2	6	21
64	+17	30	28	7	7	13	60	9	7	124	+60	3	3	4	5	22
46	+2	20	28	4	9	8	68	9	18	148	+50	4	4	3	3	23
9	-38	4	10	3	13	6	59	4	18	201	+87	4	0	3	0	24
1	-21	1	10	1	15	2	70	3	18	231	+127	0	0	1	0	25
16	-22	15	26	1	14	3	76	3	29	246	+29	0	0	1	0	26
13	-11	10	10	1	-16	2	78	4	2	283	+14	0	0	0	0	27
53	+25	20	19	4	9	5	133	6	17	304	+29	0	0	5	0	28
10	-12	10	19	1	18	1	121	10	27	260	-14	10	0	0	0	29
9	-41	9	31	2	29	2	132	7	1	281	+12	0	0	3	0	30
5	-27	3	25	2	11	3	127	10	2	291	+27	0	0	0	0	31
-	-5	-	-	0	31	0	135	7	3	314	+4	0	0	0	0	32
-	-5	-	-	0	31	0	120	6	27	278	-15	0	0	0	0	33
1	-25	1	23	1	22	1	157	9	25	291	+11	14	1	2	0	34
-	-10	-	-	0	31	0	161	8	27	255	-17	7	4	0	0	35
-	-4	-	-	0	31	0	128	8	27	311	+4	0	0	0	0	36
-	-10	-	-	0	31	0	107	5	25	302	+14	0	0	0	0	37
-	-13	-	-	0	31	0	132	7	2	303	+31	0	0	0	0	38
-	-36	-	-	0	31	0	113	5	24	298	+57	2	0	2	0	39
6	-28	6	31	1	17	1	140	7	24	292	+40	0	0	1	0	40



Hình 1- Bản đồ lượng mưa tháng III năm 1996



Hình 2- Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng III năm 1996